

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124 /2019/HN&GD-ST
Ngày: 27 - 11 - 2019
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Phúc.
2. Ông Hồ Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thái Thoại – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 350/2019/TLST-HN&GD, ngày 16 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2019/QĐXXST-HN&GD, ngày 07 tháng 11 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 161/2019/QĐST-HN&GD ngày 22/11/2019, giữa các đương sự:

I. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Nh, sinh năm: 1988;

Nơi cư trú: Tổ B, thôn C, xã A, huyện E, tỉnh G. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Đào T N, sinh năm: 1985;

Nơi cư trú: Tổ B, thôn C, xã A, huyện E, tỉnh G. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” lập ngày 10/6/2019, cùng các bản tự khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của chị Võ Thị Nh tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh Đào T N tự nguyện tìm hiểu yêu thương và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2008 đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã A. Vợ chồng sống hạnh phúc được bảy năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Tại phiên tòa chị xác định không còn tình cảm yêu thương, quý trọng đối với anh Nhân nữa. Mâu thuẫn giữa chị với anh Nhân thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nhân.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị với anh Nhân có với nhau 02 người con chung tên Đào T P, sinh ngày 10/9/2008 và Đào P L, sinh ngày 19/12/2015. Cháu Phi trên bảy tuổi và có nguyện vọng được ở với chị, còn riêng cháu Long còn nhỏ nên chị yêu cầu được nuôi cháu Long. Đồng thời chị cũng có yêu cầu anh Nhân cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 14/10/2019, anh Nhân xác định vẫn còn tình cảm, yêu thương với chị Nh. Anh mong muốn vợ chồng quay về hàn gắn, chung sống nuôi con và không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nh.

Về con chung: Anh và chị Nh có 2 người con chung. Trường hợp Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nh thì về con anh giao hết cho chị Nh nuôi và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Chị Võ Thị Nh và anh Đào T N có thời gian tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào năm 2009 nhưng trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh chị có 02 người con chung Đào T P, sinh ngày 10/9/2008 và Đào P L, sinh ngày 19/12/2015. Tại phiên tòa chị Nh yêu cầu được nuôi 02 con và con Phi có nguyện vọng được ở với chị Nh. Nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Nh về ly hôn và giao 02 con cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện lập ngày 03/9/2019, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện E, tỉnh G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Võ Thị Nh và anh Đào T N đã có thời gian tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2008 mãi đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã A. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, sau ngày cưới anh chị chung sống hạnh phúc được bảy năm thì nảy sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình anh chị không hợp nhau, thường xuyên cãi vã dẫn đến bạo lực gia đình. Do vậy chị Nh đã làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nhàn. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổ chức nhiều phiên hòa giải nhằm hàn gắn cho anh chị về sống đoàn tụ với nhau nhưng kết quả không thành. Mặc dù anh Nhàn cho rằng vẫn còn tình cảm yêu thương với chị Nh, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nh. Nhưng tại phiên tòa chị Nh xác định hiện không còn tình cảm yêu thương gì với anh Nhàn nữa và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nhàn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị Nh với anh Nhàn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Nh là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nh và anh Nhàn có với nhau 02 người con chung tên Đào T P, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2008 và Đào P L, sinh ngày 19 tháng 12 năm 2015. Chị Nh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cả hai người con chung. Anh Nhàn đồng ý yêu cầu được nuôi con chung của chị Nh, vì cho rằng anh không đủ điều kiện để nuôi con. Riêng cháu Đào P L còn nhỏ (sinh ngày 19/12/2015), cháu Đào T P có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, HĐXX thấy cần giao cả hai người con chung cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nh yêu cầu anh Nhàn phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng cho một người con. HĐXX xét thấy, yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của chị Nh là chính đáng, mức yêu cầu cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.000.000đ/tháng là phù hợp với mức đảm bảo nuôi con thực tế tại địa phương. Anh Nhàn là người không trực tiếp nuôi con chung nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả hai người con chung với số tiền là 2.000.000đ/tháng là phù hợp với quy định tại các Điều 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Nh và anh Đào T N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Nh là người phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Đào T N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[8] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị Võ Thị Nh và anh Đào T N là vụ án Hôn nhân và Gia đình. Theo đơn khởi kiện của chị Nh thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quy định của luật Hôn nhân và Gia đình. Nghiên cứu tất cả án lệ do Tòa án nhân dân Tối cao công bố, không có vụ nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử.

- Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Võ Thị Nh.

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị Nh ly hôn anh Đào T N.

2. Về con chung: Buộc anh Đào T N giao cho chị Võ Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các người con chung tên là Đào T P, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2008 và con Đào P L, sinh ngày 19 tháng 12 năm 2015.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đào T N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Phi, cháu Long tròn 18 năm tuổi và được quyền thăm nom các con mà không ai được cản trở.

Chị Võ Thị Nh có quyền yêu cầu thi hành án ngay đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh Đào T N có nghĩa vụ chấp hành việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi chị Võ Thị Nh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đào T N chậm trả số tiền cấp dưỡng nuôi các con thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị Nh đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0025659, ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E. Chị Nh đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đào T N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 27/11/2019. (đã giải thích).

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã Trà Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đức